

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Còn.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị Lệ C, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Văn Thị Lệ C có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2021 và biên bản hòa giải ngày 01/11/2021 có ý kiến như sau:*

Do mai mối, bà và ông Lê Văn H sống chung năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện T vào ngày 11/7/20xx.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại số xx khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng x/20xx cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày x/5/20x và Lê Nhã P1, sinh ngày 04/5/20xx. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản, nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà C yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà C.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Văn Thị Lê C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Văn H và ông H hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C và ông H cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng x/20xx cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà C và ông H có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn T,

huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng của tòa án cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh ông H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà C có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà C và ông H có 02 con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày 06/5/20xx và Lê Nhã P1, sinh ngày 04/5/20xx. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu nuôi 02 con chung. Xét thấy, cháu P và cháu P1 đã trên 36 tháng tuổi nên không thuộc trường hợp ưu tiên giao cho mẹ nuôi nhưng cháu P và cháu P1 cũng chưa đủ 07 tuổi để xem xét nguyện vọng của cháu muốn sống với ai. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân, con chung sống với bà C nên để ổn định cuộc sống và tình cảm của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P và cháu P cho bà C nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Do ông H cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà C xác định bà và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Án phí: Buộc bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Lệ C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Lê Văn H.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Văn Thị Lệ C và ông Lê Văn H.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày 06/5/20xx và Lê Nhã P1, sinh ngày 04/5/20xx cho bà Văn Thị Lệ C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Án phí: Bà Văn Thị Lệ C phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 0007003 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà C nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND thị trấn T**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**